TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 64/2018/HNGĐ- ST Ngày: 06-6-2018 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hưng

Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1052/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 65/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 52/2018/QĐHPT ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: 84 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

-*Bị đơn:* Anh Quang Nhật Q, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 43/1 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày có nội dung:

Chị Lê Thị Bích T và anh Quang Nhật Q tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/4/2009.

Trong thời gian chung sống đến năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh Q thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ

con nên vợ chồng đã sống ly thân 05 năm nay không ai quan tâm, chăm sóc ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Quang Nhật Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Quang Nhật A, sinh ngày 31/8/2006 và Quang Nhật B, sinh ngày 28/12/2009.

Hiện các con chung đang do gia đình anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nay chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, chị buôn bán đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, còn anh Q làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà không thể quan tâm, chăm sóc tốt cho các con chung được, về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Quang Nhật Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay đương sự có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

-*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn anh Quang Nhật Q;

Về con chung: Giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Quang Nhật Q cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Quang Nhật Q vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T vắng mặt anh Q là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị Bích T xin ly hôn anh Quang Nhật Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh Q tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 21/4/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự: Theo chị T trình bày quá trình duy trì hôn nhân giữa chị và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường hay rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2012 nên chị và anh Q sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Mặc dù mâu thuẫn xảy ra đã lâu nhưng anh Q vẫn không sửa đổi, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Chị T và anh Q có thuê nhà sống chung với nhau từ năm 2009 đến năm 2013, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không biết và do mâu thuẫn trầm trọng nên anh Q, chị T đã không thuê nhà chung sống nữa.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q cố tình vắng mặt không có lý do, không hợp tác tham gia tố tụng nên không lấy được lời khai của anh Q.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Q kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Q của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung: Quang Nhật A, sinh ngày 31/8/2006 và Quang Nhật B, sinh ngày 28/12/2009. Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay các con chung đang do gia đình anh Q trực tiếp nuôi dưỡng nhưng qua tham khảo ý kiến của các con chung đều xác định các cháu đang ở với bà nội còn anh Q thường xuyên vắng nhà và các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, chị T làm nghề buôn bán, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T.

- Chị Lê Thị Bích T được ly hôn anh Quang Nhật Q.

-Về con chung: Giao 02 con chung: Quang Nhật A, sinh ngày 31/8/2006 và Quang Nhật B, sinh ngày 28/12/2009 cho chị Lê Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Quang Nhật Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000580 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
- UBND phường T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt